

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2282/TTr-SVHTTDL ngày 23/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hoá đối với 02 TTHC trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Lai Châu.

(Có Phương án đơn giản hoá TTHC kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ VHTTDL;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V4, CB;
- Mobifone Lai Châu (để p/h);
- Lưu: VT, Hcc3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH LAI CHÂU
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Du lịch

1. Thủ tục hành chính: Công nhận Khu du lịch cấp tỉnh.

a, Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống 42 ngày.

- **Lý do:** Rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC

c. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 60 ngày xuống còn 42 ngày, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 30% so với quy định.

- Ước tính số lượng đối tượng tuân thủ TTHC trong năm là: 02.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 156.245.293 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 109.371.706 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 46.873.587 đồng/năm. Giảm được 30% chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Thủ tục hành chính: Thủ tục công nhận điểm du lịch

a, Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung:** Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống 21 ngày.

- **Lý do:** Rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

b. Kiến nghị thực thi: Đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố sửa đổi, bổ sung Danh mục TTHC và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC

c. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày xuống còn 21 ngày, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 30% so với quy định.

- Ước tính số lượng đối tượng tuân thủ TTHC trong năm là: 20.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 158.080.985 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 110.656.726 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 47.424.259 đồng/năm. Giảm được 30 % chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

Phụ lục 01

BIỂU MẪU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (Mã hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh
2. Lĩnh vực	DU LỊCH
3.Văn bản Quy định về TTHC	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.
4. Cơ quan đơn vị thực hiện rà soát	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Thực hiện quản lý nhà nước đối với khu du lịch thông qua việc thẩm định, công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo các điều kiện quy định tại Điều 26 Luật Du lịch và Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP. Mục tiêu a.2: Bảo đảm quản lý thống nhất, nâng cao chất lượng khu du lịch; kiểm soát các điều kiện về tài nguyên, hạ tầng, dịch vụ, môi trường, an ninh trật tự theo quy định tại Điều 29 Luật Du lịch, góp phần phát triển du lịch bền vững.

	b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện để tổ chức quản lý khu du lịch được công nhận khu du lịch cấp tỉnh, qua đó nâng cao uy tín, thương hiệu và khả năng thu hút khách du lịch, nhà đầu tư. Mục tiêu b.2: Bảo đảm tính công khai, minh bạch về chất lượng khu du lịch, giúp khách du lịch tiếp cận thông tin đầy đủ để lựa chọn điểm đến phù hợp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dịch vụ du lịch.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Mục tiêu quản lý nhà nước đối với việc công nhận khu du lịch cấp tỉnh vẫn phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn. - Mục tiêu a.2: Có ☐ Không ☒ Lý do: Yêu cầu bảo đảm chất lượng khu du lịch và quản lý phát triển du lịch bền vững vẫn còn nguyên giá trị. - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Nhu cầu được công nhận khu du lịch cấp tỉnh của tổ chức quản lý khu du lịch vẫn phù hợp thực tiễn phát triển du lịch. - Mục tiêu b.2: Có ☐ Không ☒ Lý do: Việc minh bạch thông tin về chất lượng khu du lịch tiếp tục là yêu cầu cần thiết để bảo đảm quyền lợi khách du lịch. b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Thủ tục hành chính đã bảo đảm công tác thẩm định, công nhận khu du lịch theo đúng quy định của pháp luật.. - Mục tiêu a.2: Có ☒ Không ☐ Lý do: Việc công nhận khu du lịch cấp tỉnh tạo cơ sở để nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

	- Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Tổ chức quản lý khu du lịch được tạo điều kiện thực hiện thủ tục công nhận, góp phần nâng cao uy tín và khả năng thu hút khách du lịch. - Mục tiêu b.2: Có ☒ Không ☐ Lý do: Kết quả công nhận khu du lịch giúp minh bạch thông tin, hỗ trợ khách du lịch lựa chọn điểm đến phù hợp..
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: Thủ tục hành chính vẫn cần thiết để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với khu du lịch, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục cải cách theo hướng đơn giản hóa và rút ngắn thời gian giải quyết. b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: Đây là thủ tục bắt buộc theo quy định của Luật Du lịch, là căn cứ pháp lý để công nhận khu du lịch cấp tỉnh. c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: Nội dung, trình tự, thẩm quyền giải quyết đã được quy định rõ tại Luật Du lịch và Nghị định 168/2017/NĐ-CP, không cần thay thế bằng thủ tục khác. d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ Lý do: Qua rà soát cho thấy thủ tục hiện hành cơ bản phù hợp mục tiêu quản lý nhà nước và quyền lợi của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, còn dư địa cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục. Đề xuất: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 42 ngày (giảm 30%). Việc điều chỉnh thời gian vẫn bảo đảm yêu cầu thẩm định thực tế, đánh giá đầy đủ các điều kiện về tài nguyên du lịch, hạ tầng, dịch vụ, môi trường và an ninh trật tự theo quy định pháp luật. Việc sửa đổi góp phần: Giảm thời gian chờ đợi cho tổ chức; giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân; phù hợp định hướng cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐

	Lý do: Công nhận khu du lịch cấp tỉnh là hoạt động quản lý nhà nước bắt buộc phải thực hiện bằng thủ tục hành chính theo quy định pháp luật.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: Việc điều chỉnh thời gian giải quyết thủ tục không làm thay đổi nội dung, trình tự hoặc các thủ tục hành chính khác có liên quan; thủ tục mang tính độc lập trong hệ thống TTHC lĩnh vực du lịch. - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Tên thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” được quy định rõ ràng, thống nhất tại Luật Du lịch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tên thủ tục phản ánh đúng nội dung quản lý nhà nước về thẩm định, công nhận khu du lịch đủ điều kiện theo quy định pháp luật; giúp tổ chức, cá nhân dễ dàng nhận biết phạm vi, nội dung và cơ quan có thẩm quyền giải quyết. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Trình tự thực hiện được quy định rõ từ khâu tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (nếu cần), trình UBND cấp tỉnh và ban hành quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định tại Điều 27 của Luật Du lịch và Nghị định số

	168/2017/NĐ-CP. Trình tự đảm bảo tính minh bạch, chặt chẽ và phù hợp yêu cầu quản lý nhà nước. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	Có ☒ Không ☐ (i)Lý do: Các bước thực hiện, nội dung công việc và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận, cơ quan thẩm định và UBND cấp tỉnh được quy định cụ thể, rõ ràng trong Luật Du lịch và Nghị định 168/2017/NĐ-CP, bảo đảm phân định trách nhiệm, tránh chồng chéo. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i)Lý do: Thủ tục được thực hiện theo các hình thức: nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử. Quy định này phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☒ Không ☐ (i)Lý do: Thành phần hồ sơ được quy định rõ tại Điều 27 Luật Du lịch (thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh); Điều 12 Nghị định 168 (điều kiện); Thông tư 06 (mẫu đơn), gồm: Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02); bản thuyết minh điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Hồ sơ bảo đảm tính cần thiết, không trùng lặp, phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định theo Điều 12 Nghị định 168/2017/NĐ-CP. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
b) Có được quy định rõ ràng và phù	Có ☒ Không ☐

hợp về số lượng không?	(i)Lý do: Quy định nộp 01 bộ hồ sơ là phù hợp, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và bảo đảm hiệu quả tiếp nhận, xử lý. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i)Lý do: Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Luật Du lịch và Nghị định 168/2017/NĐ-CP, bảo đảm chặt chẽ, phù hợp yêu cầu thẩm định thực tế khu du lịch. Tuy nhiên, qua rà soát cho thấy có thể cải cách theo hướng rút ngắn thời gian giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ. Đề xuất: Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 60 ngày xuống còn 42 ngày (giảm 30%), vẫn bảo đảm đủ thời gian thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế các điều kiện theo quy định. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
6. Cơ quan thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i)Lý do: Cơ quan thực hiện được quy định rõ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Du lịch thẩm định, UBND cấp tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định Luật Du lịch. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i)Lý do: Thẩm quyền công nhận khu du lịch cấp tỉnh thuộc UBND cấp tỉnh theo Luật Du lịch; việc phân cấp/ủy quyền cần sửa đổi quy định pháp luật chuyên ngành, không thuộc phạm vi rà soát TTHC hiện hành. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): Không
7. Đối tượng thực hiện	

a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i)Lý do: Đối tượng thực hiện đã được xác định rõ tại Luật Du lịch, gồm tổ chức quản lý khu du lịch. Quy định phù hợp, không cần điều chỉnh. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): Không
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i)Lý do: Phạm vi áp dụng là khu du lịch cấp tỉnh theo quy định tại Điều 12 Nghị định 168/2017/NĐ-CP, phù hợp thực tiễn quản lý. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): Không
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☒ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” không quy định thu phí trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ theo quy định tại Luật Du lịch năm 2017, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” không quy định thu phí trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ theo quy định tại Luật Du lịch năm 2017, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục không quy định thu lệ phí. (ii)Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

	- Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Không phát sinh quy định mức lệ phí. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Không phát sinh chi phí khác ngoài khoản phí thẩm định theo quy định. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Không có quy định về mức chi phí khác. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” không quy định thu phí trong quá trình tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ theo quy định tại Luật Du lịch năm 2017, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP và Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” có quy định Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL). Mẫu đơn được quy định thống nhất, bảo đảm đầy đủ thông tin cần thiết phục vụ công tác tiếp nhận, thẩm định và trình UBND cấp tỉnh xem xét công nhận khu du lịch cấp tỉnh theo quy định pháp luật. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh (Mẫu số 02)	

a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin chung về cơ quan/tổ chức quản lý khu du lịch (tên cơ quan, tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, website nếu có) Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Đây là thông tin cơ bản để xác định chủ thể đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh, phục vụ công tác tiếp nhận, thẩm định và quản lý nhà nước. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không. - Nội dung 2: Thông tin xác định khu du lịch đề nghị công nhận (tên khu du lịch) Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Là thông tin bắt buộc để xác định đối tượng đề nghị công nhận, làm căn cứ cho việc thẩm định theo quy định tại Luật Du lịch và Nghị định 168/2017/NĐ-CP. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không - Nội dung 3: Căn cứ pháp lý đề nghị công nhận (việc đáp ứng điều kiện theo Luật Du lịch và nghị định hướng dẫn) Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Là cơ sở thể hiện việc khu du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật, phục vụ quá trình thẩm định và trình UBND cấp tỉnh xem xét công nhận. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không - Nội dung 4: Cam kết của tổ chức quản lý khu du lịch (tính chính xác, trung thực của hồ sơ) Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Là nội dung bắt buộc nhằm xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc kê khai hồ sơ, bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm pháp lý. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☒ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ:

	(i) Lý do: Mẫu đơn không yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức khác; tổ chức quản lý khu du lịch tự kê khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ theo quy định pháp luật. (ii) Phương án xử lý: Không
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: Mẫu đơn được quy định bằng tiếng Việt, bảo đảm thống nhất trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ và phù hợp quy định pháp luật về thủ tục hành chính. (ii) Phương án xử lý: Không
Mẫu đơn, tờ khai n: Không có mẫu đơn, tờ khai khác thuộc thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này.	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Thủ tục hành chính “Công nhận khu du lịch cấp tỉnh” quy định các điều kiện đối với khu du lịch theo Điều 26 Luật Du lịch năm 2017 và Điều 12 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, bao gồm các yêu cầu về tài nguyên du lịch, hạ tầng, dịch vụ, kết nối giao thông, viễn thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường. (ii) Phương án xử lý: Không
Yêu cầu, điều kiện 1: Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa; có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định.	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Đây là điều kiện nền tảng để xác định khu du lịch, bảo đảm khu vực được công nhận có giá trị khai thác du lịch thực tế theo quy định pháp luật. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
Yêu cầu, điều kiện 2: Có kết cấu hạ	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐

tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, bao gồm: điện, nước, dịch vụ ăn uống, mua sắm, lưu trú, biển chỉ dẫn, thuyết minh và các dịch vụ hỗ trợ du lịch khác.	(i) Lý do: Đây là điều kiện bắt buộc nhằm bảo đảm khả năng phục vụ khách du lịch, đáp ứng yêu cầu khai thác và phát triển khu du lịch. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
Yêu cầu, điều kiện 3: Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Bảo đảm khả năng tiếp cận khu du lịch, thuận lợi cho hoạt động du lịch và quản lý nhà nước. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
Yêu cầu, điều kiện 4: Đáp ứng yêu cầu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường, bao gồm: cứu hộ cứu nạn, vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, nước thải, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện bảo đảm an toàn cho khách du lịch.	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Nhằm bảo đảm an toàn cho khách du lịch, bảo vệ môi trường và duy trì hoạt động du lịch bền vững theo quy định của pháp luật. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
11. Kết quả	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Kết quả giải quyết thủ tục hành chính là Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh. Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh không quy định thời hạn hiệu lực, nhưng được xem xét điều chỉnh hoặc thu hồi khi khu du lịch không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 26 Luật Du lịch (Điều 26 + Điều 27 Luật Du lịch). (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

có hợp lý, hợp pháp không?	(i) Lý do: Quy định về hiệu lực của quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với cơ chế quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, theo đó khu du lịch được theo dõi, đánh giá định kỳ và có thể bị thu hồi quyết định công nhận khi không còn đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh có giá trị áp dụng trong phạm vi khu du lịch được công nhận trên lãnh thổ Việt Nam; là căn cứ để tổ chức quản lý, khai thác, quảng bá và thực hiện các hoạt động du lịch theo quy định của pháp luật. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Không
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☒	Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. Khoản 2 Điều 27 (quy định về trình tự, thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh) Nội dung kiến nghị: Qua rà soát thực tiễn giải quyết thủ tục hành chính, đề nghị nghiên cứu sửa đổi theo hướng rút ngắn thời hạn thẩm định và giải quyết hồ sơ công nhận khu du lịch cấp tỉnh từ tổng thời gian giải quyết 60 ngày theo quy định hiện hành xuống còn 42 ngày (giảm 30%), nhằm tăng cường cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch.
b) Pháp lệnh ☐	Không
c) Nghị định ☐	Không
d) Quyết định của TTCP ☐	Không
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	Không
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	Không
g) Văn bản khác ☐	Không

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Hương

Điện thoại cố định: 02133.798.991; Di động: 0987.931.578; Email: huongnt.svhttdl@laichau.gov.vn

Phụ lục 02
CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Công nhận Khu du lịch
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

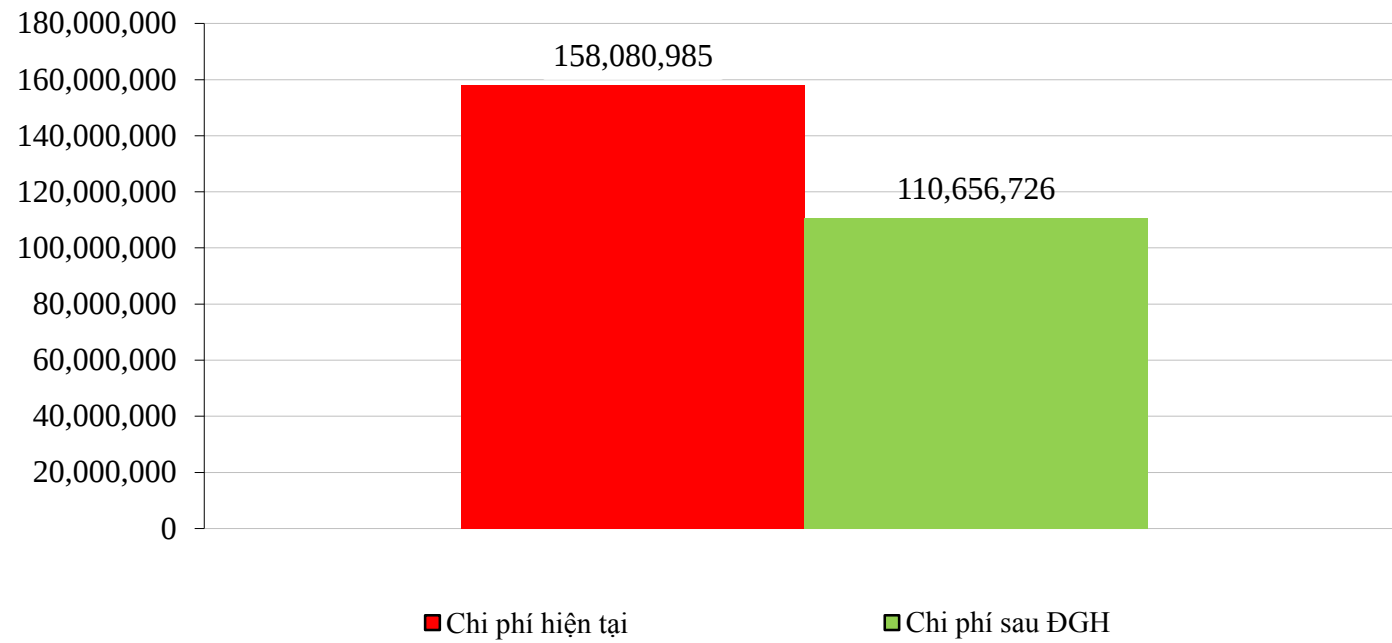
I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI											
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		84.0								
1.1	Thành phần HS 1	Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức	4.0	48,253			1	5	193,012	965,060	
1.2	Thành phần HS 2	Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin	80.0	48,253		50,000	1	5	3,910,240	19,551,200	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp									
		Bưu điện									
		Internet	0.5	48,253			1	20	24,127	482,530	

3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		160.0	48,253			1	5	7,720,480	38,602,400	
5	Công việc khác (nếu có)		80.0	48,253			1	5	3,860,240	19,301,200	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		48,253		100,000	1	5	100,000	500,000	
		Bưu điện									
		Internet	0.5								
		Khác									
	TỔNG		240.0		0	150,000			15,808,099	79,402,390	
II.	CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA										

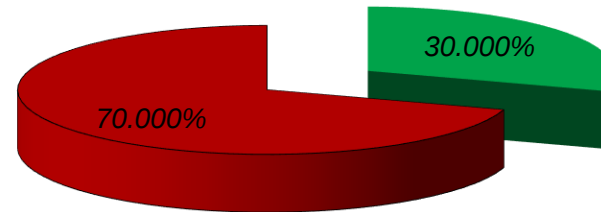
[illegible]

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau đơn giản hóa



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa



*** Ghi chú: Số liệu trong Bảng tính chỉ mang tính chất minh họa.**